

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2025

V/v Tranh chấp không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quốc Văn

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của ông Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án:

Hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, ông bà chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà Nguyễn Cẩm H.

Con chung: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H có 01 con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh ngày 08/01/2008 (giới tính nam), hiện do ông Đ nuôi dạy. Khi ly hôn, ông Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn Đ xác định trong thời gian chung sống ông và bà H không có tài sản chung. Ông bà không có nợ người khác, người khác không có nợ vợ chồng nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Cẩm H. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn, bà Nguyễn Cẩm H có nơi cư trú tại ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Nguyễn Cẩm H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do, ông Nguyễn Văn Đ xin vắng tại phiên tòa. Do đó, xét xử vắng mặt ông Đ, bà H theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên ông Đ yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với bà Nguyễn Cẩm H. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà H chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, ông Đ và bà H có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H là vợ chồng.

[2.2] Con chung: Ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Cẩm H có 01 con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh ngày 08/01/2008 (giới tính nam), hiện do ông Đ nuôi dạy, ông Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Xét thấy cháu L là nam, từ trước đến nay do ông Đ nuôi dạy, bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi dạy con chung của ông Đ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc tiếp tục nuôi dạy con chung, ông Đ không đặt ra yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét là

phù hợp. Bà H được quyền đến thăm con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[2.3] Tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung. Quá trình giải quyết vụ án, bà H không có ý kiến gì về tài sản chung nên không xem xét là phù hợp.

[2.3.1] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Đ xác định thời gian chung sống ông và bà H không có nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của ông Đ và bà H nên không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc không công nhận vợ chồng đối với bà Nguyễn Cẩm H.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Cẩm H là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ L, sinh ngày 08/01/2008 (giới tính nam) cho ông Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dạy, ông Đ không đặt ra yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, bà H không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ xác định không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 11 tháng 3 năm 2025, ông Đ có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0016955 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh